

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 53/2025/HS-ST
Ngày 26-8-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Hà

Ông Đỗ Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 12/TB-THS ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; đối với:

- Các bị cáo:

1. Cao Thị P, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2000 tại P, tỉnh Sơn La; số căn cước công dân: 014300005504; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản Sọc, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La (nay là Bản S, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân H (đã chết) và bà Trần Thị H1; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Trước thời điểm khởi tố vụ án, bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử lý hành chính. Ngày 18-6-2025, bị cáo bị Đội Thuế liên huyện khu vực V thuộc Chi cục thuế khu vực VI ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 305/QĐ-XPHC, về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn bán hàng, với hình thức phạt tiền 17.500.000 đồng. Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-01-2025 cho đến nay; có mặt.

2. Luân Thị T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1991 tại Đ, tỉnh Thái Nguyên; số căn cước công dân: 019191001482; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số A đường T, khối F, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là số A đường T, khối F, phường K, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Cán bộ tại Trung tâm khuyến nông tỉnh L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Luân Văn Đ và bà Hoàng Thị H2; có chồng: Hoàng Đ1 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Trước thời điểm khởi tố vụ án, bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử lý hành chính. Ngày 18-6-2025, bị cáo bị Đội Thuế liên huyện khu vực V thuộc Chi cục thuế khu vực VI ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 307/QĐ-XPHC, về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn bán hàng, với hình thức phạt tiền 17.500.000 đồng. Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-01-2025 cho đến nay; có mặt.

3. Phùng Thị D, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1996 tại P, tỉnh Sơn La; số căn cước công dân: 014196006783; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản Sọc, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La (nay là Bản S, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Q và bà Phùng Thị Y; có chồng: Hoàng Đức T1; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-01-2025 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 23-9-2024, Đội Quản lý thị trường số F, thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh L đã phối hợp với lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra xưởng sản xuất của Công ty TNHH S1; địa chỉ: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là K, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); do Cao Thị P làm giám đốc; kết quả đã phát hiện thu giữ: 863 chiếc bếp thành phẩm, 2.780 mặt bếp từ, 6.900 bao bì, 8000 miếng dán đề can có lô gô các nhãn hiệu Panasonic, P1, C, Silver C; 14.220 linh kiện, phụ kiện các loại như nồi kim loại, nắp thủy tinh, bảng mạch, khay nhựa, dây nguồn, máy bắt vít...dùng để lắp ráp sản phẩm bếp từ. Xác định vụ việc có dấu hiệu hình sự nên Đội quản lý thị trường số F đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình điều tra, xác định được như sau:

Khoảng tháng 7/2023, Cao Thị P làm phiên dịch tiếng Trung Quốc nên có quen biết Trương Dũng M (quốc tịch Trung Quốc). Khoảng tháng 10/2023, Trương Dũng M nói với Cao Thị P về việc đưa phụ kiện bếp từ, máy xay sinh tố sang Việt Nam lắp ráp rồi dán nhãn hiệu có uy tín như P1, P2, Silver C, C1 life và một số sản phẩm hoàn thiện có nhãn hiệu Tanawa, E, bộ nồi inox để tiêu thụ tại Việt Nam kiếm lời. Trương Dũng M giao cho Cao Thị P chịu trách nhiệm thuê nhà xưởng và công nhân để lắp ráp hoàn thiện sản phẩm, chịu trách nhiệm giao hàng và thu tiền bán hàng.

Qua Phùng Thị D, Cao Thị P biết Luân Thị T và nhờ Luân Thị T giới thiệu, thuê gian nhà kho của ông Lê Trung D1 ở Tổ A, K, thị trấn C, huyện C,

tỉnh Lạng Sơn (nay là Tổ A khối I phường K, tỉnh Lạng Sơn) để làm xưởng lắp ráp.

Cao Thị P đăng bài viết trên ứng dụng Zalo, Facebook đính kèm số điện thoại của Cao Thị P để chào bán sản phẩm; thuê Đoàn Thúy D2, Hoàng Thị H3, Nông Thị T2, Lê Thị V, Hà Thị U làm công nhân lắp ráp.

Do biết Cao Thị P đang quản lý xưởng lắp ráp bếp từ gắn các nhãn hiệu Philips, P2 cho Trương Dũng M; Luân Thị T nhờ Cao Thị P đặt vấn đề với Trương Dũng M xin được góp vốn làm ăn chung. Cao Thị P giới thiệu Luân Thị T gặp trực tiếp Trương Dũng M; hai bên bàn bạc thống nhất góp vốn thành lập công ty với tỉ lệ vốn góp của Luân Thị T là 30% tương đương với 500.000.000 đồng, 70% vốn còn lại tương đương 1.150.000.000 đồng là của Trương Dũng M nhưng do Cao Thị P đứng tên; hàng tháng sau khi trừ hết chi phí, lợi nhuận được chia theo tỉ lệ vốn góp.

Ngày 01-4-2024, Cao Thị P và Luân Thị T làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty TNHH S1, do Cao Thị P là giám đốc, có trụ sở đặt tại số A, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là A, đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn). Cao Thị P và Luân Thị T thuê Phạm Thị Thu H4 làm kế toán công ty theo thời vụ, Phạm Thị Thu H4 không trực tiếp đến làm việc tại xưởng, toàn bộ số liệu phục vụ báo cáo thuế của công ty được Cao Thị P trao đổi với Phạm Thị Thu H4 qua điện thoại.

Khoảng tháng 5/2024, Cao Thị P ký Hợp đồng thuê khu nhà xưởng tại thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là K, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) của ông Lê Văn Đ2. Mọi hoạt động của công ty do Cao Thị P điều hành. Các linh kiện, phụ kiện bếp từ không có giấy tờ hóa đơn nguồn gốc xuất xứ do Trương Dũng M giao cho các lái xe vận chuyển đến xưởng.

Do đã được Trương Dũng M hướng dẫn lắp ráp, Cao Thị P hướng dẫn lại cho các công nhân thực hiện việc lắp ráp. Ngoài ra, Cao Thị P, Luân Thị T còn thuê Phùng Thị D làm nhiệm vụ phụ trách chăm công, quản lý, hướng dẫn công nhân lắp ráp, đóng mở cửa kho để xuất hàng, nhập hàng, kiểm đếm số lượng hàng hóa và ký nhận với lái xe khi hàng đến kho; mở cửa kho, chỉ chỗ để hàng để lái xe bốc hàng lên xe theo đúng số lượng và làm phiếu xuất kho cho lái xe theo chỉ đạo của Cao Thị P.

Ngày 11-7-2024, Cao Thị P nhờ Phùng Thị D đặt in bao bì đóng gói bếp từ và nhãn hiệu Philips, Model PLS -02, max power 2000-2500W và các thông số kỹ thuật khác nhưng bên in bao bì từ chối với lí do hàng hóa giả nhãn hiệu nên không sản xuất theo yêu cầu của Phùng Thị D. Phùng Thị D thông báo cho Cao Thị P biết, do vậy toàn bộ các hộp các tông đóng gói có in thông tin nhãn hiệu sản phẩm được Trương Dũng M vận chuyển đến xưởng, để sau khi lắp ráp hoàn thiện thì đóng gói vào hộp.

Sau khi các sản phẩm hoàn thiện việc lắp ráp, Trương Dũng M, Cao Thị P liên hệ với người mua thông qua số điện thoại 0355138846 của Cao Thị P hoặc qua ứng dụng mạng xã hội do Cao Thị P đăng ký sử dụng để thống nhất giá bán, địa điểm giao nhận hàng. Khi có khách mua hàng, Cao Thị P trực tiếp thuê xe

vận chuyển hàng từ xưởng đến địa chỉ mà khách hàng yêu cầu. Ngoài ra, một số mặt hàng được Trương Dũng M vận chuyển đến nơi khác giao bán trực tiếp cho khách hàng. Khi giao hàng, Cao Thị P lập hóa đơn bán lẻ (hóa đơn viết tay) giao cho lái xe để giao cho người mua hàng ký xác nhận số hàng đã đặt mua, sau đó khách hàng chuyển khoản trả tiền mua hàng vào tài khoản số 060320686 do Cao Thị P mở tại Ngân hàng TMCP Q1.

Cuối tháng, sau khi trừ hết các chi phí tiền thuê xưởng, thuê công nhân, thuê xe ô tô vận chuyển hàng hóa và các chi phí phát sinh khác, Cao Thị P giữ lại 18.000.000 đồng là tiền lương/tháng, chuyển khoản cho Luân Thị T 30% lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp, số tiền còn lại Cao Thị P chuyển trả Trương Dũng M qua tài khoản trên ứng dụng wechat; tính từ tháng 5/2024 đến tháng 9/2024, Cao Thị P đã chuyển cho Luân Thị T tổng cộng 82.670.249 đồng vào tài khoản số 4800215046448 mở tại ngân hàng N và số tài khoản số 3510609867 mở tại ngân hàng TMCP Đ5.

Để hợp thức hóa nguồn gốc số linh kiện, phụ kiện đầu vào do Trương Dũng M vận chuyển đến và tránh sự kiểm tra của các lực lượng chức năng; thông qua Luân Thị T giới thiệu, Cao Thị P đã liên hệ với Đặng Duy B là chủ hộ kinh doanh đồ điện gia dụng để mua 03 tờ Hóa đơn bán hàng không gồm: Hóa đơn bán hàng ngày 03-3-2024 thể hiện người mua hàng là Luân Thị T mua 450 chiếc bếp từ tổng giá trị 67.500.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 17-3-2024 thể hiện người mua hàng là Cao Thị P mua linh kiện bếp từ tổng giá trị 59.000.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 22-8-2024 thể hiện người mua hàng là Công ty TNHH S1 mua mặt hàng linh kiện bếp từ giá trị hàng hóa là 59.000.000 đồng. Do không có những mặt hàng trên để bán cho Cao Thị P và cũng để hợp thức hóa đầu vào, Đặng Duy B đã mua không 01 tờ Hóa đơn bán hàng ngày 22-8-2024 với hộ kinh doanh Đào Văn Đ3, trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn là 17.700.000 đồng.

Ngày 23-9-2024, khi công nhân đang tiến hành lắp ráp thì bị lực lượng chức năng phát hiện thu giữ toàn bộ phương tiện, linh kiện, phụ kiện và các loại bếp thành phẩm như đã nói ở trên.

Ngày 14-10-2024 Cục S2 trí tuệ có Công văn 3133/SHTT-TTTT gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn có nội dung: Đối với các nhãn hiệu Philips, P2, Chefs life, Silver Crest cho sản phẩm bếp từ, dịch vụ lắp ráp, sản xuất, kinh doanh bếp từ đã được đăng ký, được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam, đang trong thời hạn hiệu lực. Cục Sở hữu trí tuệ không có thông tin về việc Công ty TNHH S1 được đại diện các nhãn hiệu nói trên ủy quyền, cho phép kinh doanh, sản xuất, lắp ráp sản phẩm hàng hóa.

Ngày 09-10-2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định và gửi mẫu cần giám định đến Viện khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ K và Công nghệ để tiến hành giám định đối với bếp thành phẩm, bao bì, đề can gắn nhãn hiệu Philips, P2, Chefs L, Silver C; việc lấy mẫu giám định được lấy ngẫu nhiên trong số tang vật đang bị tạm giữ.

Kết luận giám định số NH653-24TC.TP/KLGD ngày 23-10-2024 của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ K kết luận: Toàn bộ các bếp từ thành phẩm,

linh kiện, bao bì/tem/nhãn gắn nhãn hiệu Philips, P2, Chefs L, S gửi giám định là sản phẩm giả mạo nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam cụ thể:

- Sản phẩm bếp hồng ngoại gắn dấu hiệu “Panasonic” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1469703 cho sản phẩm *bếp điện* thuộc nhóm 11 của Panasonic Holdings C2.

- Sản phẩm bếp từ gắn dấu hiệu “PHILIPS” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 991346 cho sản phẩm *thiết bị nấu nướng* thuộc nhóm 11 của Koninklijke Phipips N.V.

- Sản phẩm mặt trên của bếp từ gắn dấu hiệu “PHILIPS” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 991346 cho sản phẩm *bộ phận của tất cả các hàng hóa nói trên* thuộc nhóm 11 của Koninklijke Phipips N.V.

- Sản phẩm mặt trên của bếp từ gắn dấu hiệu “Panasonic” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1469703 cho sản phẩm *bộ phận của tất cả các hàng hóa nói trên* thuộc nhóm 11 của Panasonic Holdings C2.

- Sản phẩm tem/nhãn gắn dấu hiệu “Panasonic” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1469703 cho sản phẩm *thiết bị chiếu sáng, sưởi ấm, tạo hơi nước, nấu ăn, làm lạnh, sấy khô, thông gió, cung cấp nước và vệ sinh* thuộc nhóm 11 của Panasonic Holdings C2.

- Bao bì sản phẩm bếp từ gắn dấu hiệu “Panasonic” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1469703 cho sản phẩm *thiết bị bếp từ* thuộc nhóm 11 của Panasonic Holdings C2.

- Bao bì sản phẩm bếp từ gắn dấu hiệu “PHILIPS” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 991346 cho sản phẩm *thiết bị nấu nướng* thuộc nhóm 11 của Koninklijke Phipips N.V.

- Sản phẩm bếp hồng ngoại gắn dấu hiệu “Chefs Life” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 288213 cho sản phẩm *bếp hồng ngoại* thuộc nhóm 11 của Công ty cổ phần T5.

- Sản phẩm máy xay sinh tố gắn dấu hiệu “SILVER CREST” như thể hiện tại mẫu vật gửi giám định, là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1111060 cho sản phẩm máy xay sinh tố thuộc nhóm 7 của L3 & Co. KG.

Ngày 18-02-2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn có Quyết định trưng cầu Viện khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ K và Công nghệ giám định 01 chiếc bếp từ gắn nhãn hiệu Philips do bà Phùng Thị T3, là người mua hàng tự nguyện giao nộp. Ngày 03-3-2025, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ K

có Kết luận giám định số NH079-25TC.TP/KLGD xác định: Sản phẩm bếp từ gắn dấu hiệu “PHILIPS” như mẫu vật gửi giám định là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam cho sản phẩm *đồ điện tử* thuộc nhóm 11 theo đăng ký quốc tế số 380743 của Koninklijke Phipips N.V.

Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 30-12-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã tiến hành định giá đối với 10 hạng mục hàng hóa đang bị tạm giữ bao gồm: toàn bộ bếp thành phẩm gắn nhãn hiệu Philips, P2, Chefs life và một số linh kiện, phụ kiện; có tổng trị giá là **858.239.000 đồng**; từ chối định giá đối với 11 mặt hàng còn lại, bao gồm: linh kiện, phụ kiện, bao bì sản phẩm/tem/nhãn gắn nhãn hiệu Philips, P2, Silver C do không đủ điều kiện để tiến hành định giá theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07-8-2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi đến Công ty đại diện và thực thi quyền bảo vệ sở hữu trí tuệ các nhãn hiệu nói trên để yêu cầu cung cấp thông tin, sản phẩm hàng hóa chính hãng; kết quả: Công ty P4, P2, Chefs L không sản xuất kinh doanh sản phẩm tương tự nên không có mẫu sản phẩm để cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan điều tra; Công ty S3 không có đại diện tại Việt Nam. Vì vậy, Cơ quan điều tra không thu thập, cung cấp được mẫu so sánh nên V1 đã có văn bản từ chối thực hiện giám định đối với hàng hóa, bao bì đóng gói sản phẩm, linh kiện, phụ kiện điện tử đã bị thu giữ là hàng thật hay hàng giả theo Quyết định trưng cầu giám định số 1268/QĐ-CSKT ngày 29-10-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn.

Cáo trạng số 63/CT-VKSLS-P1 ngày 20-6-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D về tội Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 226 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D phạm tội Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 226; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Cao Thị P và bị cáo Luân Thị T, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Phùng Thị D từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật; đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, mức phạt khởi điểm theo quy định tại khoản 3 Điều 226 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại, máy

tính sách tay đã thu giữ của các bị cáo; tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng liên qua đến hành vi phạm tội đã được cơ quan điều tra thu giữ và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ để xác định: Ngày 23-9-2024 tại thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là K, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra thực tế tại Công ty TNHH S1 do Cao Thị P làm giám đốc; đã phát hiện, bắt quả tang: 863 chiếc bếp từ và bếp hồng ngoại thành phẩm cùng nhiều bao bì, linh kiện gắn nhãn hiệu Philips, P2, Chefs L, Silver C; có tổng trị giá là **858.239.000 đồng**; đã và đang được lắp ráp để bán, khi các nhãn hiệu hàng hóa nói trên đang được bảo hộ tại Việt Nam và không được đại diện các nhãn hiệu nói trên ủy quyền cho phép kinh doanh, sản xuất, lắp ráp sản phẩm hàng hóa. Cơ quan điều tra không thu thập, cung cấp được mẫu so sánh nên không có cơ sở để giám định sản phẩm bị cáo lắp ráp là hàng thật hay hàng giả. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo về tội Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 226 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa của các chủ thể đã được đăng ký và đang được bảo hộ tại Việt Nam. Bị cáo nhận thức rõ hành vi là vi phạm pháp luật nhưng đã cố ý phạm tội. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn. Để có căn cứ quyết định mức hình phạt phù hợp, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng chống tội phạm; Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra và bảo đảm sự công bằng giữa các đồng phạm trong cùng vụ án.

[5] Về vai trò: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Cao Thị P và bị cáo Luân Thị T đều khai Trương Dũng Minh là người vận chuyển toàn bộ linh

kiện, phụ kiện, tem nhãn gắn nhãn hiệu Philips, P2, C, Silver C để các bị cáo tiến hành lắp ráp và tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã có văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa để thu thập, tài liệu chứng cứ làm rõ hành vi vi phạm của Trương Dũng M để xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam, nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, chưa có cơ sở để xem xét trách nhiệm của Trương Dũng M trong cùng vụ án này. Bị cáo Cao Thị P là người giữ vai trò cao hơn so với 02 bị cáo còn lại vì bị cáo Cao Thị P là người trao đổi, liên lạc, thực hiện theo sự chỉ đạo của Trương Dũng M như thuê nhà xưởng, thuê nhân công và hướng dẫn công nhân lắp ráp, giao hàng và thu tiền hàng...; tiếp theo là bị cáo Luân Thị T là đồng phạm tích cực, ngoài việc tham gia góp vốn, được hưởng lợi từ việc kinh doanh, Luân Thị T còn giúp Cao Thị P trong việc tìm thuê kho xưởng, nhân công; bị cáo Phùng Thị D là đồng phạm giúp sức có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[6] Về nhân thân: Ngày 18-6-2025, bị cáo Cao Thị P3 và bị cáo Luân Thị T bị Đội Thuế liên huyện khu vực V thuộc Chi cục thuế khu vực VI ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn bán hàng. Tuy nhiên, hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn bán hàng được thực hiện song song cùng với hành vi phạm tội. Vì vậy, có căn cứ để xác định trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D đều là người có nhân thân tốt, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Cao Thị P: Là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo có ông nội là Cao Văn L1 là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương; bị cáo có bà nội là Phùng Thị T4 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Bị cáo Phùng Thị D: Là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo có ông ngoại là Cao Văn L1 là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; bị cáo có bà ngoại là Phùng Thị T4 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Bị cáo Luân Thị T: Quá trình công tác tại Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L (nay là Sở Nông nghiệp và Tài nguyên Môi trường tỉnh L) bị cáo được lãnh đạo đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L tặng thưởng nhiều Giấy khen; bị cáo còn tích cực tham gia hiến máu tình nguyện (11 lần); bị cáo có chồng là Hoàng Đ1 được lãnh đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L (nay là Sở Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường tỉnh L) tặng Giấy khen; có bố chồng là ông Hoàng Văn Đ4 được Bộ N1 tặng Bằng khen, kỷ niệm chương; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T6 Bằng khen. Vì vậy, cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản

1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; việc xử phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng đã đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng chống tội phạm. Vì vậy, các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 226 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên mức phạt cũng cần phải có sự phân hóa, phù hợp với vai trò của từng bị cáo trong cùng vụ án.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

[11.1] Đối với vật chứng là tài sản đồ vật hiện đang được lưu giữ tại Thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn: Tịch thu, hóa giá, sung ngân sách Nhà nước đối với điện thoại di động và máy tính xách tay do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo Cao Thị P 01 con dấu hình tròn của Công ty TNHH S4 và DV NEWHOME, 01 con dấu thể hiện chức danh giám đốc và tên Cao Thị P.

[11.2] Đối với các vật chứng còn lại gồm bếp thành phẩm, linh phụ kiện...mà Cơ quan chức năng đã thu giữ ngày 23-9-2025, trong đó có một số vật chứng đã được sử dụng làm mẫu vật để giám định, số còn lại được thể hiện tại mục 1 của Bảng thống kê tang vật vụ án ban hành kèm Quyết định chuyển vật chứng số 47/QĐ-VKSLS-P1 ngày 04-6-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hiện đang lưu giữ tại Kho lưu của Công an tỉnh (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13-6-2025). Do đây là công cụ, phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; là các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu hàng hóa nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với các công nhân lắp ráp gồm: Đoàn Thúy D2, Nông Thị T2, Hoàng Thị H3, Lê Thị V, Hà Thị U được thuê làm nhiệm vụ lắp ráp các linh kiện với mức tiền công 3.000 đồng/sản phẩm. Các công nhân đều làm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Luân Thị T và Cao Thị P, không biết là hàng hóa mình lắp là vi phạm nên không đủ căn cứ xem xét xử lý.

[13] Đối với Phạm Thị Thu H4 là người được thuê làm kế toán Công ty TNHH S1 từ tháng 4/2024. Thực tế Phạm Thị Thu H4 trao đổi thông tin liên quan đến công tác thuế qua điện thoại do Cao Thị P3 cung cấp và làm việc qua mạng

Internet, không đến xưởng nên không biết hoạt động lắp ráp sản phẩm của Công ty, không được trao đổi, chỉ đạo liên quan đến hoạt động sản xuất, lắp ráp hàng hóa; nên không đủ căn cứ xem xét xử lý.

[14] Đối với ông Lê Trung D1 và ông Lê Văn Đ2 là những người cho Cao Thị P thuê địa điểm để làm xưởng lắp ráp nhưng họ không biết sản phẩm mà các bị cáo thuê người lắp ráp là giả mạo nhãn hiệu hàng hóa; ngoài việc được nhận tiền cho thuê địa điểm, ông Lê Trung D1 và ông Lê Văn Đ2 không được hưởng lợi gì từ việc kinh doanh của các bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý.

[15] Đối với các lái xe ô tô tải vận chuyển linh kiện, phụ kiện: Theo lời khai của các bị cáo, mỗi lần giao hàng là một lái xe khác nhau, có người bị cáo không nhớ biển kiểm soát xe, có người không biết hàng hóa giả mạo nhãn hiệu. Vì vậy, Cơ quan chức năng không có căn cứ xác minh, xử lý.

[16] Đối với hành vi mua bán trái phép hóa đơn: Luân Thị T giới thiệu Cao Thị P3 với chủ hộ kinh doanh là Đặng Duy B để mua 03 tờ hóa đơn bán hàng không với giá tiền 10% tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn gồm: Hóa đơn bán hàng ngày 03-3-2024 thể hiện người mua hàng là Luân Thị T có tổng giá trị 67.500.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 17-3-2024 thể hiện người mua hàng là Cao Thị P có tổng giá trị 59.000.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 22-8-2024 thể hiện người mua hàng là Công ty TNHH S1 có giá trị hàng hóa là 59.000.000 đồng; để hợp thức hóa đầu vào, ông Đặng Duy B đã mua với hộ kinh doanh ông Đào Văn Đ3 01 hóa đơn không có giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn là 17.700.000 đồng. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của cá nhân, pháp nhân nói trên là vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Chi cục thuế khu vực IV và Chi cục thuế khu vực V2 đề nghị xem xét xử lý theo thẩm quyền. Đến nay, Cơ quan điều tra đã nhận được Thông báo kết quả xử phạt vi phạm hành chính của Đội Thuế liên huyện khu vực V đối với Đặng Duy B, Cao Thị P và Luân Thị T; chưa nhận được kết quả xử lý của Cơ quan thuế đối với Đào Văn Đ3.

[17] Đối với Trương Dũng M là người có quốc tịch Trung Quốc mà bị cáo Cao Thị P và bị cáo Luân Thị T khai đã vận chuyển toàn bộ linh kiện, phụ kiện, tem nhãn gắn nhãn hiệu Philips, P2, C, S để các bị cáo lắp ráp, tiêu thụ sản phẩm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã có văn bản số 900/UTTPHS-CSKT ngày 14-4-2025 yêu cầu tương trợ tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa để thu thập, tài liệu chứng cứ làm rõ hành vi vi phạm của Trương Dũng M để xử lý theo quy định của Pháp luật Việt Nam, nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan điều tra đã tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án để thụ lý tin báo và tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý đối với Trương Dũng M theo quy định của pháp luật Việt Nam.

[18] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[19] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

[20] Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 226, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D phạm tội
Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Cao Thị P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng
án treo, 03 (ba) năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Cao Thị P cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La để giám
sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Cao Thị P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân
xã M, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2 Xử phạt bị cáo Luân Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng
án treo, 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Luân Thị T cho Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Lạng Sơn để
giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Luân Thị T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân
phường K, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3 Xử phạt bị cáo Phùng Thị D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời
gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Thị D cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La để giám
sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Phùng Thị D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân
dân xã M, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

2.4 Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì
thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.
Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02
lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải
chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2.5 Về hình phạt bổ sung:

Phạt bị cáo Cao Thị P 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, sung Ngân sách Nhà nước.

Phạt bị cáo Luân Thị T 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, sung Ngân sách Nhà nước.

Phạt bị cáo Phùng Thị D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1 Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS X415E, màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật, thu giữ của Cao Thị P; được niêm phong trong phong bì giấy, tại các điểm tiếp giáp có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký, tên của Cao Thị P, Triệu Thanh L2).

- 01 (một) máy tính xách tay Nhãn hiệu L4 3 - 15IAH8, màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật, thu giữ của Phùng Thị D; được niêm phong trong phong bì giấy, tại các điểm tiếp giáp có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký, tên của Phùng Thị D, Triệu Thanh L2).

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 14 PROMAX; màu tím, số EMEI 352301458907439, số EMEI2 352301458802986, bên trong cắm thẻ sim số 0355.138.846, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật thu giữ của Cao Thị P; được niêm phong trong phong bì giấy, tại các điểm tiếp giáp có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký, tên của Cao Thị P, Triệu Thanh L2; Phạm Mạnh C3).

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 13 PRO MAX, số EMEI 1 350419534225568, số EMEI2 350419534760432, bên trong cắm thẻ sim số 0344.076689, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật, thu giữ của Phùng Thị D; được niêm phong trong phong bì giấy, tại các điểm tiếp giáp có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký, tên của Phùng Thị D, Triệu Thanh L2; Phạm Mạnh C3).

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu đen, số EMEI 353096100350157, số EMEI2 353096100358150, bên trong cắm thẻ sim số 0965345104, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật, thu giữ của Luân Thị T; được niêm phong trong phong bì giấy, tại các điểm tiếp giáp có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký, tên của Luân Thị T, Triệu Thanh L2; Phạm Mạnh C3).

3.2 Trả lại cho bị cáo Cao Thị P:

- 01 (một) con dấu hình tròn của Công ty TNHH S4 và DV NEWHOME, đã qua sử dụng.

- 01 (một) con dấu thể hiện chức danh Giám đốc và tên Cao Thị P đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu tại mục 3.1 và 3.2 nói trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13 tháng 6 năm 2025.

3.3. Tịch thu tiêu hủy đối với 33 mục vật chứng theo bảng kê dưới đây:

TT	Tên tang vật, phương tiện	ĐVT	Số lượng	Chủng loại/ nhãn hiệu	Tình trạng, đặc điểm	Ghi chú
1	Máy bắt ốc vít	cái	01	Ký hiệu: XLS-801, DC-36V. S/N: 22001586	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy	
2	Máy bắt ốc vít	cái	01	Ký hiệu: XLS-801, DC-36V. S/N: 22001502	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy	
3	Máy bắt ốc vít	cái	01	Ký hiệu: XLS-801, DC-36V. S/N: 22001458	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy	
4	Máy bắt ốc vít	cái	01	Ký hiệu: XLS-801, DC-36V. S/N: 22001581	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy	
5	Máy bắt ốc vít	cái	01	Ký hiệu : XLS-801, DC-36V. S/N: 22001603	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy	
6	Máy đo nguồn điện kỹ thuật số	cái	01	Ký hiệu: PM9901	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy	
7	Bàn dùng để phục vụ cho việc sản xuất, lắp ráp bếp tủ, bếp điện, bếp hồng ngoại	cái	02	Kích thước: dài 2m, rộng: 1,2m, cao: 1,76m	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật.	

8	Bàn dùng để phục vụ cho việc sản xuất, lắp ráp bếp từ, bếp điện, bếp hồng ngoại	cái	01	Kích thước: dài 2m, rộng: 1,2m, cao: 75cm	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật.	
9	Ổ điện	cái	01	Sử dụng cho quá trình sản xuất, lắp ráp dài 24cm, rộng 10cm	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật.	
10	Ổ điện	cái	04	Sử dụng cho quá trình sản xuất, lắp ráp kích thước: dài 17cm, rộng 6cm	Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật.	
11	Keo dán	chai	50	Trên bao bì in tiếng nước ngoài loại 300ml	Hàng mới	
12	Quạt công nghiệp	cái	02		Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật	
13	Bếp từ thành phẩm đã lắp ráp hoàn chỉnh	cái	31	Mang nhãn hiệu PANASONIC thể hiện trên bao bì đóng gói Model: PL-01S; Power 2000 - 2500W (có bao bì đóng gói) kích thước: 42,5 x 8,8 x 33,5mm	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
14	Bộ bếp từ thành phẩm đã lắp ráp hoàn chỉnh (có bao bì)	bộ	744	Mang nhãn hiệu PHILIPS thể hiện trên bao bì đóng gói Model: PL-02S; Power 2000 - 2500W (gồm 01 bếp từ mang nhãn hiệu PHILIPS kích thước 315 x 145 x 390mm, 01 nồi kim loại kích thước đường kính 25cm và 01 nắp thủy tinh kích thước 24,5cm không nhãn hiệu)	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
15	Bếp từ thành phẩm	cái	35	Mang nhãn hiệu PHILIPS kích thước 315 x 145 x 390mm (không có bao bì đóng gói, không thể hiện mã, ký hiệu công suất sản phẩm)	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
16	Bếp từ thành phẩm	cái	19	Mang nhãn hiệu PANASONIC, kích thước: 42,5 x 8,8 x 33,5mm (không có bao bì đóng gói, không thể	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám

				hiện mã, ký hiệu công suất sản phẩm)		định
17	Mặt trên của bếp từ	cái	1.999	Mang nhãn hiệu PHILIPS (không có bao bì đóng gói, không thể hiện mã, ký hiệu công suất sản phẩm), kích thước: 35 x 28 x 0,3cm. Số lượng: 2.000	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
18	Mặt trên của bếp từ	cái	779	Mang nhãn hiệu PANASONIC (không có bao bì đóng gói, không thể hiện mã, ký hiệu công suất sản phẩm), kích thước: 35 x 28 x 0,3cm	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
19	Đề can	miếng	7.999	Mang nhãn hiệu PANASONIC (có 24 miếng đề can nhỏ/miếng)	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 miếng để giám định
20	Bao bì sản phẩm	cái	2.999	Mang nhãn hiệu PANASONIC thể hiện Model: PL-02S; Power 2000 - 2500W	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
21	Bao bì sản phẩm	cái	1.399	Mang nhãn hiệu PHILIPS thể hiện thể hiện Model: PL-02S; Power 2000 - 2500W	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
22	Bếp hồng ngoại	cái	29	Mang nhãn hiệu Chefs Life (có bao bì, tên bao bì thể hiện công suất 3.500W), kích thước 42,5 x 8,8 x 33,5cm	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để giám định
23	Nồi kim loại và nắp thủy tinh	cái	750	Đường kính 25cm, nắp bằng thủy tinh kích thước 24,5cm (không nhãn hiệu, không bao bì)	Hàng mới	
24	Nắp thủy tinh	cái	230	Không nhãn hiệu, không bao bì, đường kính 24,5cm.	Hàng mới	
25	Bao bì sản phẩm	cái	2.499	Mang nhãn hiệu SILVER CREST ký hiệu SC-1589	Hàng mới	Đã sử dụng hết 01 cái để

						giám định
26	Vỏ bếp từ bằng nhựa	cái	1.200	Kèm theo 02 bảng mạch và 01 đĩa dây đồng (không nhãn hiệu, không có bao bì)	Hàng mới	
27	Đĩa dây đồng	đĩa	1.500	Kích thước 16,5cm (không nhãn hiệu, không có bao bì)	Hàng mới	
28	Cánh quạt tản nhiệt dùng trong bếp từ	cái	3.500	Không nhãn hiệu, không có bao bì	Hàng mới	
29	Bảng mạch điện tử	cái	240	Không nhãn hiệu, không có bao bì	Hàng mới	
30	Viền nhựa ốp mặt bếp từ	cái	2.000	Không nhãn hiệu, không có bao bì	Hàng mới	
31	Khay nhựa đáy bếp từ	cái	3.300	Kích thước: 28 x 34cm (không nhãn hiệu, không có bao bì)	Hàng mới	
32	Dây nguồn dùng để cấp điện cho bếp từ	cái	1.500	Dài 1m	Hàng mới	
33	Ốc vít các loại	kg	30	Sử dụng cho quá trình sản xuất, lắp ráp	Hàng mới	

Vật chứng nêu tại mục 3.3 đã được liệt kê tại Bản G thống kê tang vật vụ án ban hành kèm Quyết định chuyển vật chứng số 47/QĐ-VKSLS-P1 ngày 04-6-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hiện đang lưu giữ tại Kho lưu của Công an tỉnh (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13-6-2025).

4. Về án phí: Các bị cáo Cao Thị P, Luân Thị T và Phùng Thị D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm - VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06, PC03 Công an T.Lạng Sơn;
- THA tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng GĐTKTT&THA;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy